TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-PT
Ngày: 05/3/2020
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.

Các Thẩm phán: - Ông Lê Anh Dũng.

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Lê Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị***: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức A - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: 117B Hùng Vương, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2020) - Có mặt.

Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P; địa chỉ: Tầng 21-22 tòa nhà MIPEC, số 229 T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Đức Tuấn - Trưởng phòng kinh doanh Công ty bảo hiểm P; địa chỉ: 63 L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2019) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, bà Ngô Thị D đăng ký bảo hiểm tự nguyện trách Nệm dân sự bắt buộc cho xe gắn máy biển kiểm soát số 74AB-006.44 tại Công ty Bảo hiểm P thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách Nệm dân sự của chủ xe mô tô - xe máy số: 81351759.

Trong thời hạn bảo hiểm, ngày 10/11/2018, xe mô tô 74AB-006.44 xảy ra tai nạn, dẫn đến người bị hại chết. Sau khi xảy ra tai nạn, bà D đã thỏa thuận bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 97.000.000 đồng và lập hồ sơ yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P bồi thường bảo hiểm. Tuy Nên, bà D nhận được Thông báo số 10/PJQTR/2019 ngày 21/3/2019 của Công ty Bảo hiểm P từ chối bồi thường bảo hiểm với lý do: Bùi Thị Hoài N là người điều khiển phương tiện gây tai nạn chưa đủ 16 tuổi và căn cứ vào trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính để từ chối bồi thường.

Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải bồi thường cho bà D số tiền bảo hiểm là 147.000.000 đồng. Trong đó, 97.000.000 đồng tiền bồi thường bảo hiểm và 50.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D rút yêu cầu bồi thường 50.000.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 97.000.000đ mà bà D đã bồi thường cho bị hại.

Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P trình bày:

Căn cứ kết luận tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan Công an huyện G có nội dung: "*Cháu Bùi Thị Hoài N là người chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ điều kiện về độ tuổi điều khiển xe máy tham gia giao thông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 60 Luật giao thông đường bộ*".

Căn cứ khoản 3 Điều 12 Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 quy định các trường hợp loại trừ trách Nệm bảo hiểm: "… *lái xe không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không phù hợp với loại xe cơ giới bắt buộc phải có giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không có thời hạn thì được coi là không có giấy phép lái xe*". Do người điều khiển xe gắn máy 74AB-006.44 xảy ra tai nạn ngày 10/11/2018 không có giấy phép lái xe nên Công ty Bảo hiểm từ chối bồi thường bảo hiểm cho chủ xe gắn máy 74AB-006.44 là bà D.

Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 401, Điều 429 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D, buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải bồi thường bà Ngô Thị D là chủ sở hữu xe gắn máy 74AB-006.44 số tiền bảo hiểm 97.000.000 (*Chín mươi bảy triệu*) đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền 50.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/12/2019, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/ DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Ngô Thị D có giao kết hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự giữa chủ xe gắn máy mang biển kiểm soát số 74AB-006.44 và bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P. Trong thời gian bảo hiểm, xe gắn máy xảy ra tai nạn do người điều khiển xe máy có lỗi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền bảo hiểm theo hợp đồng đã ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm" là có căn cứ.

[2] Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P kháng cáo bản án sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ trong hạn luật định, phù hợp quy định tại Điều 272, 273 của BLTTDS, nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn - Tổng Công ty Bảo hiểm P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Hợp đồng bảo hiểm giữa bà Ngô Thị D với Công ty bảo hiểm PJICO tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong thời hạn bảo hiểm, xe gắn máy của bà D xảy ra tai nạn, Công ty Bảo hiểm căn cứ khoản 3 Điều 12 Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính để từ chối bồi thường bảo hiểm cho bà D với lý do: *"Doanh nghiệp bảo hiểm không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau: Lái xe không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không phù hợp với loại xe cơ giới bắt buộc phải có giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không có thời hạn thì được coi là không có giấy phép lái xe".*

Tại điểm a khoản 1 Điều 59 Luật giao thông đường bộ quy định: "*Căn cứ vào kiểu loại, công suất động cơ, tải trọng và công dụng của xe cơ giới, giấy phép lái xe được phân thành giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn. Giấy phép lái xe không thời hạn bao gồm các hạng sau đây*: *Giấy phép lái xe hạng A1cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50cm^3 đến dưới 175cm^3"*.

Đối chiếu với quy định trên thấy rằng, xe gắn máy 74AB-006.44 có dung tích xi lanh dưới 50cm^3. Như vậy, người điều khiển xe gắn máy dưới 50cm^3 tham gia giao thông không bắt buộc phải có giấy phép lái xe.

Căn cứ khoản 2 Điều 405 BLDS quy định: *"Trong trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó"*. Tại Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *"Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm"*.

Khoản 3 Điều 12 Thông tư 22/2016/TT-BTC nêu trên chỉ quy định điều kiện phải có giấy phép lái xe đối với xe cơ giới bắt buộc phải có giấy phép lái xe, không quy định đối với trường hợp xe không bắt buộc phải có giấy phép lái xe và về độ tuổi để loại trừ trách Nệm bảo hiểm. Vì vậy, cần áp dụng điều khoản này theo hướng có lợi cho bà D.

Khoản 3 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định không áp dụng điều khoản loại trừ trách Nệm bảo hiểm trong các trường hợp: "*Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý*". Trong trường hợp này bà Ngô Thị D vô ý trong việc quản lý xe gắn máy 74AB-006.44 đã để Bùi Thị Hoài N tham gia giao thông và xảy ra tai nạn với lỗi vô ý.

Tuy Nên, Bùi Thị Hoài N chưa đủ 16 tuổi và không thuộc các tội quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự nên không phải chịu trách Nệm hình sự. Trường hợp người điều khiển xe gắn máy chưa đủ tuổi theo quy định của Luật giao thông đường bộ cũng không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Thông tư 22/2016/TT-BTC nói trên.

Đối chiếu các quy định của pháp luật, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P căn cứ vào kết luận của Công an huyện G và khoản 3 Điều 12 Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 để từ chối bồi thường đối với nguyên đơn là không có căn cứ.

[3.2] Về mức bồi thường của trách Nệm bảo hiểm:

Xét thấy, đối với vụ tai nạn trên đã được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi của Bùi Thị Hoài N. Số tiền bà Ngô Thị D đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại 97.000.000 đồng, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, là số tiền không vượt quá mức trách Nệm bảo hiểm quy định tại Điều 9, khoản 1, khoản 3 Điều 13 Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách Nệm dân sự của chủ xe mô tô – xe máy số 81351759/XM-TN ngày 01/11/2018. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền yêu cầu bồi thường 97.000.000đ là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/ DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 401, Điều 429 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D, buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải bồi thường cho bà Ngô Thị D số tiền 97.000.000 (Chín mươi bảy triệu) đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền 50.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chịu 4.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000379 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P còn phải nộp 4.850.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009675 ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Quảng Trị;*
- *TAND TP. Đ;*
- *Chi cục THADS TP Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Luật